



**TIẾP CẬN CÔNG LÝ Ở VIỆT NAM – TỪ QUAN ĐIỂM
CỦA NGƯỜI DÂN
KHẢO SÁT CẬP NHẬT NĂM 2010**

BÁO CÁO CHÍNH THỨC

TÓM TẮT

Hà Nội – tháng 10 năm 2011

Thực hiện bởi Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự

TÓM TẮT BÁO CÁO

Khảo sát cập nhật 2010 về “Tiếp cận công lý tại Việt Nam từ quan điểm của người dân” là dự án do UNDP tài trợ được thực hiện trong hai giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất:* Khảo sát thông qua phỏng vấn người dân tại các địa phương, xử lý số liệu và hoàn thành Báo cáo sơ bộ từ tháng 5/2010 tới tháng 8/2010.
- *Giai đoạn thứ hai:* Tổ chức tọa đàm tại các địa phương đã khảo sát về kết quả khảo sát và soạn thảo Báo cáo chính thức từ tháng 12/2010 đến tháng 9/2011.

Mục tiêu và phương pháp khảo sát

Khảo sát 2010 được thực hiện nhằm cập nhật các thông tin, dữ liệu và phát hiện thu được từ Khảo sát 2003, qua đó đánh giá sự thay đổi trong nhận thức và quan điểm của người dân về các vấn đề liên quan đến điều kiện, phương tiện và năng lực tiếp cận công lý của họ trong vòng bảy năm qua. Do đó, Nhóm nghiên cứu, về nguyên tắc, đã giữ nguyên và triển khai tiếp các phương pháp khảo sát và nghiên cứu đã thực hiện năm 2003, đặc biệt liên quan đến khu vực (hay địa bàn) khảo sát, bảng hỏi, đối tượng phỏng vấn và quy trình phỏng vấn.

Cuộc khảo sát được thực hiện tại sáu tỉnh thành phố bao gồm Hà Nội, Thái Bình, Hoà Bình, Đắk Lắk, TPHCM và Cần Thơ. Trong tổng số 1000 Bảng hỏi, việc phân bố theo tỉnh được giữ nguyên như năm 2003 trên cơ sở tính đến mật độ dân số nhưng dành sự quan tâm và ưu tiên cho các vùng phát triển thấp hơn phù hợp với mục tiêu khảo sát.

Khi lựa chọn các nhóm xã hội để phỏng vấn, Nhóm nghiên cứu đã một mặt tham khảo cấu trúc dân số tự nhiên nhằm đạt được tính đại diện, mặt khác áp dụng một số tiêu chí bắt buộc để phân bổ đúng số lượng người được phỏng vấn đặt ra (“nhóm mục tiêu”) phân theo nghề nghiệp, giới tính, dân tộc thiểu số, người được phỏng vấn thuộc nhóm “dễ bị tổn thương”, đồng thời lấy thông tin bắt buộc về tuổi, thu nhập và trình độ học vấn để làm cơ sở cho phân tích xã hội học.

Nhóm nghiên cứu đã liên hệ với cơ quan chính quyền ở các địa bàn nông thôn và miền núi để thông báo về chương trình khảo sát và xin các hỗ trợ, khi cần, nhằm gặp gỡ thuận lợi hơn với những người dân trong các thôn, làng, bản để phỏng vấn. Các cuộc trao đổi giữa điều tra viên và người được phỏng vấn, tuy nhiên, diễn ra độc lập và riêng tư mà không có bất cứ sự chứng kiến hay giám sát nào của chính quyền địa phương. Riêng ở Hà Nội và Hồ Chí Minh, Nhóm nghiên cứu đã gặp gỡ trực tiếp một cách ngẫu nhiên hoặc tự thu xếp và hẹn trước với các đối tượng phỏng vấn mà không cần sự hỗ trợ của cơ quan chính quyền.

Sau khi hoàn thành khảo sát, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành 12 cuộc tọa đàm ở 6 địa đã khảo sát với hai nhóm đối tượng khác nhau, bao gồm người dân đại diện cho các nhóm đối tượng đã phỏng vấn và đại diện của các cơ quan nhà nước liên quan nhằm có được sự đánh giá “mang tính chất lượng” đối với các kết quả khảo sát. Những người tham dự tọa đàm đã cung cấp các lý giải hữu ích về căn cứ đánh giá của người dân khi được phỏng vấn, đồng thời phản ánh thêm tình hình thực tế ở địa phương qua các câu chuyện cụ thể và sinh động về tiếp cận công lý.

Đánh giá của người dân về tiếp cận pháp luật và thiết chế bảo vệ pháp luật

Tiếp cận pháp luật

Các câu hỏi được đưa ra liên quan tới việc tham gia của người dân vào quá trình dự thảo luật, việc tiếp cận thông tin pháp luật và hiểu biết của họ về những văn bản pháp luật cụ thể.

Khi được hỏi về việc đã từng được hỏi và góp ý vào các dự thảo văn bản pháp luật hay chưa (dù văn bản của trung ương hoặc địa phương), 16,4% số người được phỏng vấn trả lời rằng họ đã từng tham gia; năm 2003, tỉ lệ này là 17,7%. Về nguồn thường sử dụng để tìm kiếm thông tin pháp luật, lựa chọn hàng đầu của người dân là “báo đài” sau đó là “internet”. Năm 2003, cũng là “báo đài” xếp hàng đầu, còn “internet” đứng thứ ba sau “bạn bè và người thân”. Về khả năng hiểu văn bản pháp luật, 51,5% số người tham gia phỏng vấn cho biết họ đã từng đọc hoặc sử dụng một văn bản luật; không cải thiện nhiều lắm so với tỷ lệ 45,0% của Khảo sát 2003. Trong số những người đã đọc văn bản pháp luật, chỉ có 45,7% thấy rằng những luật và quy định đó “rất dễ hiểu”, “dễ hiểu” hoặc “chấp nhận được”. Năm 2003, tỉ lệ tương ứng là 44,5%.

Đánh giá về tiếp cận các cơ quan pháp luật

Toà án nhân dân

Trong Khảo sát 2003, có 28,9% người được phỏng vấn không biết gì về toà án, trừ việc biết đến tên gọi. Tỉ lệ này giảm xuống còn 17,7% trong Khảo sát 2010, cho thấy có sự cải thiện đáng chú ý.

Cũng như Khảo sát 2003, người dân được hỏi một số câu hỏi về đánh giá của họ đối với hoạt động của toà án. Dựa trên các kết quả khảo sát thì đã có sự thay đổi khá tích cực trong nhận thức chung của người dân về chất lượng hoạt động xét xử của các tòa án giữa hai thời điểm 2003 và 2010. Khi được hỏi về việc đánh giá của mình với toà án có thay đổi như thế nào trong vòng năm năm qua, 50,8% những người được phỏng vấn trả lời thay đổi tích cực hơn.

Viện kiểm sát nhân dân

Viện Kiểm sát rất quan trọng đối với việc bảo vệ các quyền của người dân khi bị các cơ quan tư pháp xâm phạm, từ giai đoạn điều tra, khởi tố đến xét xử và thi hành các bản án.

Tỉ lệ những người được hỏi không biết về Viện Kiểm sát là 47,9%, gần tương tự với Khảo sát 2003 là 46,2%. Tỷ lệ những người được phỏng vấn cho rằng cán bộ Viện kiểm sát hành xử đúng đắn và công bằng khi làm nhiệm vụ không cao với 46,0%, nhưng cao hơn nhiều so với 27,9% của Khảo sát 2003. Tuy nhiên, khi đánh giá về các thay đổi trong hoạt động của Viện Kiểm sát trong năm năm qua, chỉ có 36,7% số người được phỏng vấn trả lời "thay đổi tích cực".

Công an

Công an có vai trò và liên hệ quan trọng đến đời sống hàng ngày của người dân, từ việc đăng ký hộ khẩu ở nơi cư trú, việc xử lý các hành vi bạo lực đến khi giao thông trên đường.

Phản hồi của người dân về câu hỏi: “Ông/Bà có cho rằng công an thực thi theo đúng pháp luật khi thi hành nhiệm vụ hay không?”. Tỷ lệ trả lời “Có” là 81%, tăng lên so với 69,8 % của Khảo sát 2003. Trong tổng số những người được phỏng vấn, tỷ lệ những người đánh giá công an có thay đổi tích cực trong vòng năm năm qua cũng khá cao, tới 63,7%.

Cơ quan thi hành án

Về tổ chức, có sự phân biệt giữa cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an và cơ quan thi hành án dân sự trực thuộc hệ thống cơ quan tư pháp ở cấp huyện, tỉnh với Tổng cục thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Trong Khảo sát 2003, chỉ có 41,8% số người được phỏng vấn biết về cơ quan thi hành án. Tỷ lệ này tăng lên đến 64,4% năm 2010. Câu hỏi chung của Nhóm nghiên cứu đối với các đối tượng được phỏng vấn là: “ Ông/Bà có tin rằng cơ quan thi hành án luôn luôn thi hành các bản án khi được yêu cầu một cách nghiêm túc và đúng pháp luật không?”; trong Khảo sát 2003, chỉ 13,4% số người được phỏng vấn trả lời “Có”, tỷ lệ này tăng lên 30,6% trong Khảo sát 2010. Khi được hỏi ý kiến về sự thay đổi của cơ quan thi hành án trong năm năm qua, 37,0% xác nhận hoặc tin rằng có “thay đổi tích cực”.

Ủy ban nhân dân

UBND là cơ quan chính quyền địa phương, được tổ chức ở ba cấp là xã, huyện và tỉnh. Theo phản ánh của đại diện UBND tại các Tọa đàm sau Khảo sát, UBND cấp xã, phường hoạt động bận rộn nhất với việc giải quyết các yêu cầu cụ thể của người dân.

Theo Khảo sát 2003 chỉ có 7,1% số người được phỏng vấn không có hiểu biết rõ ràng về UBND; tỷ lệ này hầu như không thay đổi trong Khảo sát 2010 tương ứng với 7,3%. Năm 2003, chỉ có 35,5% số người được hỏi nói rằng ở mức độ “cao” hoặc “khá cao”, UBND đã thực thi và bảo đảm được các quyền và lợi ích của họ. Tình hình đã được cải thiện hơn vào năm 2010, khi theo kết quả khảo sát, tỷ lệ này là 50,3%. Có tới 74,6% người được phỏng vấn cho rằng UBND đã “thay đổi tích cực” trong vòng năm năm qua.

Thanh tra nhà nước

Theo Luật Thanh tra năm 2004 (được sửa đổi tháng 11 năm 2010), Thanh tra nhà nước bao gồm Thanh tra hành chính (được thành lập ở tất cả các cơ quan nhà nước như các bộ và ủy ban nhân dân) và Thanh tra chuyên ngành (thành lập ở một số cơ quan có chức năng đặc thù như cơ quan quản lý môi trường, đất đai, xây dựng, giáo dục, y tế v.v..).

Được hỏi về sự hiểu biết ở mức độ khác nhau, có tới 36,4% số người được hỏi không biết gì về Thanh tra nhà nước. Mặc dù vậy số liệu cho thấy có sự cải thiện so với Khảo sát 2003, trong đó tỷ lệ “không biết” là 54%. Về vai trò của Thanh tra nhà nước trong việc bảo vệ các quyền của người dân, tại Khảo sát 2003 chỉ có 23,7% số người được phỏng vấn tin rằng Thanh tra nhà nước đóng vai trò “quan trọng” hoặc “rất quan trọng”, trong Khảo sát 2010, tỷ lệ này tăng lên 48,5%. Những người được phỏng vấn cho rằng cơ quan Thanh tra nhà nước có “thay đổi tích cực” chiếm 38,9%.

Tổ hoà giải cơ sở

Các THGCS được thành lập ở cơ sở (trong các làng, bản ở nông thôn và tổ dân phố ở miền núi) trên cơ sở Pháp lệnh Hòa giải cơ sở năm 1988 nhằm giải quyết các “tranh chấp nhỏ” của người dân với “hàng xóm” của họ hoặc trong phạm vi cộng đồng.

Số liệu từ Khảo sát năm 2003 cho thấy có đến 70,2% số người được phỏng vấn biết rất rõ về THGCS. Kết quả khảo sát của năm 2010 thậm chí khích lệ hơn với 89,5% số người được hỏi thể hiện biết khá rõ về THGCS và Hòa giải viên. Về năng lực và hiệu quả của THGCS trong việc giải quyết tranh chấp, 55% số người được phỏng vấn có câu trả lời tích cực, tăng đáng kể so với Khảo sát 2003 với 22,6%. Có 57,9% những người được phỏng vấn nhận xét có sự “thay đổi tích cực” của các THGCS trong năm năm qua.

Trưởng thôn hoặc Già làng

Theo các văn bản pháp luật, bên dưới các UBND xã, phường có các Trưởng thôn do nhân dân trực tiếp bầu ra và được Chủ tịch UBND phê chuẩn và công nhận. Các Trưởng thôn không có chức năng hành chính như chính quyền, mà đóng vai trò hỗ trợ UBND thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn dân cư. Ở miền núi, trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, ngoài Trưởng thôn còn có các Già làng, do người dân cư trực tiếp bầu ra để quyết định các vấn đề trong làng, bản, bao gồm cả phân xử tranh chấp, trên cơ sở luật tục với các quyết định ban ra được các bên tự nguyện chấp hành.

Trong Khảo sát 2003, 62,3% những người được hỏi đánh giá vai trò của Trưởng thôn và Già làng là “quan trọng” hoặc “rất quan trọng”; tỉ lệ này tăng lên đến 76,4% trong Khảo sát 2010. Riêng ở khu vực nông thôn, có tới 87,2% những người được hỏi trả lời như trên, trong khi ở miền núi tỷ lệ này còn cao hơn tới 92,0%.

Các tổ chức chính trị - xã hội

Một đặc thù của hệ thống chính trị ở Việt Nam là sự tồn tại của các tổ chức được gọi là “tổ chức chính trị - xã hội”. Đó là các tổ chức được Nhà nước bảo trợ, và là một bộ phận của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Các tổ chức chủ chốt nhất bao gồm Hội nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và Hội cựu chiến binh được hội tụ trong một tổ chức Mẹ là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đóng vai trò vừa hỗ trợ vừa giám sát hoạt động của các cơ quan chính quyền về mặt chính trị. Ngoài ra, trong phạm vi nhất định, các tổ chức này có thể can thiệp

nhằm bảo vệ lợi ích của các nhóm dân cư mà mình đại diện khi có sự va chạm với cơ quan chính quyền, hoặc đóng vai trò tư vấn hay trung gian hòa giải mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân nhằm hướng tới lợi ích cao hơn là sự ổn định chính trị tổng thể tại địa phương.

Người dân được phỏng vấn nói chung đánh giá về vai trò của các tổ chức này cao hơn ở mức độ khá căn bản so với năm 2003. Tuy nhiên chỉ có từ 1,4% đến 2,5 % số người được phỏng vấn cho biết đã từng sử dụng bất kì tổ chức nào trong số ở trên cho việc giải quyết tranh chấp, trong đó Hội phụ nữ đạt tỷ lệ sử dụng cao nhất cho mục đích này.

Luật sư

Số lượng luật sư tăng lên với thời gian đồng nghĩa với sự hiểu biết của xã hội về dịch vụ luật sư được mở rộng. Nếu trong Khảo sát 2003 có tới 39,3% số người được hỏi không biết về dịch vụ luật sư thì con số này đã giảm xuống 24,7% vào năm 2010. Khi được hỏi luật sư đóng vai trò gì trong giải quyết tranh chấp, 75,8% số người được phỏng vấn cho rằng luật sư đóng vai trò “quan trọng” hoặc “rất quan trọng”. Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với tỷ lệ ở Khảo sát 2003 trong đó chỉ có 44,2% người trả lời như vậy.

61% số người được phỏng vấn tin rằng tòa án xem xét kỹ lưỡng ý kiến của luật sư khi đưa ra phán quyết. Tỷ lệ này trong Khảo sát năm 2003 là 37,1%. Tuy nhiên trong chỉ có 46% những người đã sử dụng dịch vụ của luật sư đồng ý với đánh giá này.

35,4% số người được phỏng vấn cho rằng dịch vụ của luật sư “rất tốn kém” hoặc “tốn kém”. Câu trả lời này có tỷ lệ cao hơn trong nhóm những người đã từng sử dụng dịch vụ luật sư với 44%. Phần lớn những người được phỏng vấn trong Khảo sát 2010 tin rằng dịch vụ luật sư có cải thiện trong năm năm qua.

Trung tâm trợ giúp pháp lý

Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp được thành lập năm 1997 là đầu mối quản lý ở trung ương đối với hoạt động này. Các đối tượng người dân được trợ giúp pháp lý bao gồm: Người nghèo, Người có công với cách mạng, Người già và Trẻ em cô đơn, Người tàn tật và người thuộc dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn.

Theo kết quả khảo sát, có 63,1% những người được hỏi không biết gì về hoạt động trợ giúp pháp lý. Năm 2003, tỷ lệ này là 65%. Có một tỷ lệ khá cao tới 50,6% người dân không thể đánh giá hoạt động trợ giúp pháp lý có tác dụng như thế nào, đồng thời chỉ có 34,2% số người được hỏi đánh giá về vai trò của các Trung tâm TGPL là thực sự hữu ích đối với việc hỗ trợ người dân trong bảo vệ quyền của họ. Tuy nhiên, vai trò hữu ích của các trung tâm này được những người đã từng tiếp cận đánh giá cao hơn với tỷ lệ 73,2%.

Báo chí và phương tiện thông tin đại chúng

Khi được hỏi rằng “Ông/Bà đánh giá thế nào về vai trò của báo chí và thông tin đại chúng đối với việc bảo vệ quyền của người dân?”, 91,3% số người được hỏi đã trả lời là “quan trọng” hay “rất quan trọng”. Tỷ lệ này thấp hơn với 79,3% trong Khảo sát 2003.

Liên quan đến khả năng tác động của báo chí và truyền thông vào các việc giải quyết các khiếu nại và/hoặc tranh chấp, nếu trong Khảo sát 2003 có 64% người dân được hỏi tin rằng báo chí và phương tiện thông tin đại chúng có thể ảnh hưởng “nhiều” hoặc “tương đối nhiều”, thì tỷ lệ này đã tăng lên 82,9% trong Khảo sát 2010. Đáng lưu ý là có tới 88,6% những người được hỏi nhận xét rằng báo chí và phương tiện thông tin đại chúng đã “thay đổi tích cực” trong 5 năm qua, một tỷ lệ đánh giá tích cực cao nhất so với những thiết chế khác.

Các tổ chức xã hội dân sự

Đánh giá về vai trò của các hiệp hội xã hội – nghề nghiệp thuộc xã hội dân sự là vấn đề mới được đưa vào Khảo sát 2010 nhằm có sự so sánh với các tổ chức chính trị-xã hội.

Theo kết quả khảo sát, có 31,7% số người được phỏng vấn là thành viên của một hội xã hội – nghề nghiệp nào đó. Có 45,3% số người tham gia khảo sát có đánh giá tích cực về vai trò của các hội. 33,9% số người được hỏi thừa nhận các hội “rất có ảnh hưởng” hoặc “có ảnh hưởng” trong giải quyết các vụ khiếu nại hay tranh chấp.

Đánh giá của người dân về cải cách pháp luật

Hiểu biết về “cải cách pháp luật đang diễn ra” bao gồm việc người có thông tin bằng cách nào đó về chương trình cải cách pháp luật, bao gồm ban hành mới hoặc sửa đổi luật pháp nhằm phục vụ mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường và xây dựng nhà nước pháp quyền.. Theo đó, có 32,5% số người được hỏi không biết gì về điều này; tỷ lệ này trong Khảo sát 2003 là 28%.

Trong khi chỉ có 54% số người được hỏi trong Khảo sát 2003 cho rằng cải cách pháp luật là quan trọng đối với cuộc sống của họ, thì tỷ lệ này đã tăng lên đáng kể trong cuộc Khảo sát 2010 với 70,9%. Đối với các lĩnh vực khác nhau của cải cách pháp luật như xây dựng pháp luật, giáo dục và phổ biến thông tin pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp và thi hành án, từ 33,1% tới 56,1% số người được phỏng vấn công nhận rằng cải cách trong tất cả các lĩnh vực đó đã mang đến “sự cải thiện” hoặc “cải thiện đáng kể”; năm 2003, các tỷ lệ này là 22,7% tới 40,4%.

Các yếu tố văn hóa và tâm lý xã hội tác động đến tiếp cận công lý

Người tham gia khảo sát được đề nghị chọn một trong hai câu mô tả đúng nhất mối quan hệ hiện có giữa viên chức nhà nước và nhân dân theo quan niệm của họ. Đó là (a) Viên chức nhà nước là người phục vụ nhân dân hay (b) Viên chức nhà nước là người giám sát, quản lý nhân dân. Có 52,5% số người được hỏi trả lời Phương án (a) và số còn lại (47,5%) trả lời Phương án (b). Kết quả

này thay đổi đáng kể so với Khảo sát 2003, trong đó chỉ có 32,5% số người được hỏi chọn câu trả lời (a) và 67,5% chọn (b).

Người dân xử sự như thế nào nếu quyền lợi hợp pháp của mình bị viên chức hoặc cơ quan nhà nước xâm hại? Theo kết quả Khảo sát 2010, 61% người dân rất sẵn sàng khiếu nại hay kiện viên chức hay cơ quan nhà nước đó ra tòa. Năm 2003 chỉ có 45% người dân tin rằng mình sẽ làm như vậy. Tương tự Khảo sát 2003, trong tình huống có tranh chấp, lựa chọn hàng đầu của những người được phỏng vấn là “Đề nghị ủy ban nhân dân hoặc công an xã, phường giúp đỡ”. Đối với người nông dân, lựa chọn ưu tiên vẫn là “Nhờ trưởng thôn hoặc tổ hòa giải giúp đỡ”.

Khảo sát về ý chí và quyết tâm “đi tới cùng” của người dân để tìm kiếm công lý cho mình khi có tranh chấp, có tới 90,4% số người được hỏi sẵn sàng kháng cáo đối với một bản án sai và không công bằng, trong đó 86,7% trong số đó muốn tiếp tục kháng cáo lên Tòa án Tối cao trong trường hợp Tòa phúc thẩm lại đưa ra bản án, quyết định sai và không công bằng.

Một xã hội công bằng và tôn trọng pháp luật cần được xây dựng với sự tham gia của người dân. Nhóm nghiên cứu đã hỏi: “Liệu Ông/Bà có sẵn sàng tố giác một hành vi phạm tội mà mình nhìn thấy với cơ quan chính quyền không?”, năm 2003, tỉ lệ những người được trả lời “chắc chắn có” là 48,1%; tỷ lệ này tăng lên 60% trong Khảo sát 2010.

Liên quan đến thực thi Luật về Phòng chống bạo lực gia đình, theo kết quả khảo sát, 53% số người được hỏi trả lời sẵn sàng tố giác chính quyền về hành vi bạo lực gia đình, tỷ lệ này tăng lên so với 22,6% trong Khảo sát 2003.

Tiếp cận công lý của Nhóm yếu thế

Năm 2006 có hai đạo luật quan trọng được ban hành là Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng, chống HIV. Tháng 6/2010, Luật về Người khuyết tật cũng được ban hành. Đối với người nghèo và người thuộc dân tộc thiểu số, từ nhiều năm qua, Chính phủ đã thực thi nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau cho nhóm đối tượng này.

Tuy nhiên, đối với câu hỏi khái quát rằng: “Ông/Bà có cho rằng những người thuộc nhóm yếu thế gặp bất lợi khi tiếp cận các cơ quan pháp luật để giải quyết khiếu nại, tranh chấp của mình không?”, có một tỷ lệ không nhỏ (từ 31% đến 82%) những người được phỏng vấn trả lời “Có gặp bất lợi” dù ở các mức độ khác nhau.

Theo đánh giá của người dân tham gia khảo sát, dường như không có thay đổi gì tích cực trong vòng 7 năm qua về khía cạnh này, thậm chí tỷ lệ của đánh giá những người thuộc nhóm yếu thế gặp bất lợi còn cao hơn. Nhóm bị ảnh hưởng nhất là Người nghèo, tiếp theo là Người tàn tật (đứng thứ hai), Dân tộc thiểu số (thứ ba), Người nhiễm HIV/AIDS (thứ tư) và sau cùng là Phụ nữ. Nếu trong Khảo sát 2003, Người dân tộc thiểu số là nhóm chịu bất lợi thứ 2 thì nhóm này đã xuống hàng thứ 3 trong Khảo sát 2010.

Kết luận

Nhìn chung, nhận thức của người dân về các thể chế pháp luật hiện nay đã tăng lên và đánh giá của người dân về tiếp cận công lý đã thay đổi quan trọng theo chiều hướng tích cực hơn kể từ năm 2003. Người dân công nhận có sự cải thiện của các thiết chế tư pháp, tuy nhiên những cải thiện đó dường như còn kém khá xa so với cải cách hành chính.

Nhóm yếu thế vẫn gặp bất lợi trong các vụ kiện trước các cơ quan bảo vệ pháp luật mà vẫn không có cải thiện nào kể từ năm 2003 trong khi dịch vụ luật sư và hoạt động trợ giúp pháp lý chưa được cải thiện như mong đợi theo hướng phục vụ nhu cầu của nhóm đối tượng này.

Người dân dường như sẵn sàng tranh đấu để giành được công bằng và xây dựng một xã hội công bằng nhưng cần có những biện pháp đầy đủ hơn từ phía nhà nước để hỗ trợ và bảo vệ họ trong trường hợp tố giác tội phạm hay làm chứng trước tòa.

Báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng, các tổ chức xã hội dân sự đóng vai trò ngày càng tăng trong bảo vệ quyền lợi của người dân và đánh giá của người dân đạt tỷ lệ cao nhất về những thay đổi tích cực của các thiết chế này trong những năm gần đây.

So với năm 2003, tỉ lệ người dân đặt niềm tin vào pháp luật cũng như công cuộc cải cách pháp luật hiện nay đã tăng lên đáng kể, mặc dù trên thực tế thông tin về cải cách pháp luật chưa được tuyên truyền phổ biến tốt hơn tới họ.